

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (bao gồm Trung tâm hành chính công huyện Đức Phổ, Sơn Hà, thành phố Quảng Ngãi), cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Phụ lục I.

2. Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Phụ lục II.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Trường hợp Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục I được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì vẫn thống nhất áp dụng thực hiện tại Bộ phận Một cửa.

2. Các thủ tục hành chính không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện thì được thực hiện tại cơ quan, đơn vị và phải áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh.

3. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương thì căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện của từng địa phương, giao Chủ tịch UBND cấp huyện chủ động làm việc với cơ quan ngành dọc thống nhất việc đưa thủ tục hành chính vào thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện; trường hợp Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đưa vào thực hiện tại Bộ phận Một cửa thì phải thống nhất thực hiện theo chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh.

4. UBND cấp huyện có trách nhiệm niêm yết, đăng tải công khai, đầy đủ tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử cơ quan Danh mục, nội dung thủ tục hành chính được thực hiện tại Bộ phận Một cửa và không được thực hiện tại Bộ phận Một cửa.

5. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện Quyết định này tại UBND cấp huyện; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.

6. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, sự thay đổi về Danh mục thủ tục hành chính nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo, kiến nghị gửi Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công huyện Đức Phổ, Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công huyện Sơn Hà, Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công thành phố Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: PCVP, NC, HCC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(latin78).



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ,
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA UBND
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

kèm theo Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HỘI	
1	Công nhận ban vận động thành lập hội	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thành lập hội	
3	Phê duyệt điều lệ hội	
4	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
5	Đổi tên hội	
6	Hội tự giải thể	
7	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	
II	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO	
8	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
9	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	
10	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	
11	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	
12	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	
13	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	
14	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	
15	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
III	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH	
16	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
17	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
18	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
IV	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ	
21	Đăng ký hợp tác xã	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
22	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
23	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	
24	Đăng ký khi hợp tác xã chia	
25	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
26	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
27	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
28	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	
29	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	
30	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
31	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
32	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
34	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
35	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	
36	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
37	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
38	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	
39	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	
V	LUU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC	
40	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
41	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
42	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
43	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
44	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
45	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
46	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
47	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
48	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
49	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
50	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
51	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
52	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	
53	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Công bố tại Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
VI	LĨNH VỰC XÂY DỰNG	
	Mục 1. Hoạt động xây dựng (về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán)	
56	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	
	Mục 2. Cấp giấy phép xây dựng	
57	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
58	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	
	Mục 3. Quy hoạch - kiến trúc	
59	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
60	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	
61	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	
VII	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
62	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
VIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN	
63	Mua quyền hóa đơn	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
64	Mua hóa đơn lẻ	
IX	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	
65	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
66	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
67	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
68	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
69	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
70	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
71	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
73	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
X	LĨNH VỰC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ	
74	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	Công bố tại Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
75	Cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	
76	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	
77	Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	
78	Cấp phép thi công công trình thiết yếu trên các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo	
79	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	
80	Cấp giấy phép thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp huyện quản lý	
XI	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
81	Cấp bản sao từ sổ gốc	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
82	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
83	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	ngoài cấp hoặc chứng nhận	
84	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
85	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
86	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
87	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
88	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
89	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
90	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
91	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	
92	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
XII	LĨNH VỰC HỘ TỊCH	
93	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
94	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
95	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
96	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
97	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
98	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
99	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
100	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
101	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
102	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
103	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
104	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
105	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
106	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
107	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
108	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	
XIII	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
109	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
110	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
111	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	
112	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	
113	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
114	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	
115	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	
116	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	
117	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	
118	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	
119	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	
XIV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
120	Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	
121	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	
122	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
123	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
124	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
125	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
126	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán công trình cải tạo đồng ruộng kết hợp tận thu đất sét có diện tích không vượt quá 10.000 m ² (01 ha)	
XV	LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ	
127	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)	
128	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
129	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
130	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
131	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	minh đô thị”	
132	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
133	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	Công bố tại Quyết định số 4011/QĐ-BVHTTDL
134	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
XVI	LĨNH VỰC LỄ HỘI	
135	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	Công bố tại Quyết định số 3562/QĐ-BVHTTDL
136	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	ngày 25/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
XVII	LĨNH VỰC THƯ VIỆN	
137	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
XVIII	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH	
138	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND
139	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
140	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
141	Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
142	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
143	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
XIX	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET	
144	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
145	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
146	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
147	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
XX	LĨNH VỰC XUẤT BẢN	
148	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
149	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	
XXI	LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
150	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
151	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	
XXII	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
152	Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		của Chủ tịch UBND tỉnh
XXIII	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	
153	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	
154	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (<i>Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất</i>)	
155	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	
156	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	
157	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
158	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
159	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
160	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký,	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	cấp Giấy chứng nhận	
161	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	
162	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
163	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
164	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
165	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
166	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	
167	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	
168	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
169	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
170	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
171	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	
172	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
173	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
174	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	
175	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
176	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân	
177	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
178	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	
179	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (xác định lại diện tích đất ở)	
180	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	
181	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Công bố tại Quyết định số 2571/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
XXIV	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
182	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
183	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	
184	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	
185	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	
186	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	
187	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	
188	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
189	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	
190	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
XXV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
191	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
192	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
193	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
194	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
195	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
196	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
197	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	trở lại	
198	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực	
199	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
200	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	
201	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
202	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	
203	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường trường tiểu học, trường trung học cơ sở	
204	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	
205	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
206	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	
207	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	
208	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	
209	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
210	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	
211	Cho phép trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
212	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	
213	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
214	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	
215	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	
216	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
217	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
218	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	
219	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	
220	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	
221	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	
222	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	
223	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	
XXVI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
224	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	
225	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
226	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
227	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
228	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng)	
229	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	
230	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	
231	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có	

Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	người khuyết tật đặc biệt nặng	
232	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	
233	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện	
234	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện	
235	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
236	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
237	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
238	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
239	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
XXVII	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
240	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
241	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	
242	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	
XXVIII	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, QUAN HỆ LAO ĐỘNG	
243	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
244	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
XXIX	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	
245	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
246	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	
247	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	
248	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	
XXX	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG	
249	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP
NHÂN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

kèm theo Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	
1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	
2	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	- Công bố tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
3	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	
4	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
5	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	
6	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	
7	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	
8	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	
II	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	
9	Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	- Công bố tại Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Phòng Tư pháp.
10	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	
III	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC	
11	Phục hồi danh dự	- Công bố tại Quyết định số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 của Bộ trưởng
12	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		Bộ Tư pháp; - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 ở cấp huyện.
IV	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
13	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	- Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ. - Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; - Cơ quan tiếp nhận và trả kết
14	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	
15	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	
16	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	
17	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	
18	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	thông thường vì mục đích thương mại	quả: Cơ quan kiểm lâm sở tại.
19	Đóng dấu búa kiểm lâm	
20	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	
21	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng	
22	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu	
V	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
23	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện TTHC: Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội hoặc Trung tâm Quản lý sau cai nghiện.
24	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	
VI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
25	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Cơ sở trợ giúp xã hội cấp
26	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
27	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		huyện.
VII	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN	
28	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	- Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra huyện; phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện.
29	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	
30	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	
31	Tiếp công dân tại cấp huyện	
32	Xử lý đơn tại cấp huyện	